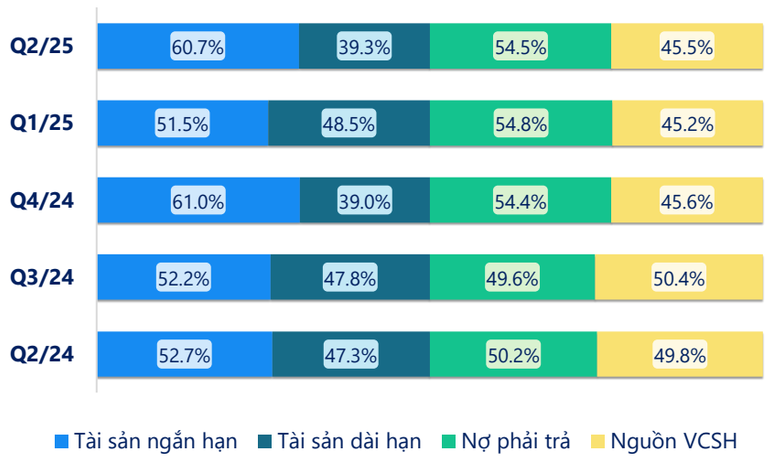
FireAnt

CTCP Phát triển Sunshine Homes (UPCOM: SSH)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	89,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	117,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	66,600
SL cổ phiếu LH	375,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	43,155
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	33,488
P/E	132.1
EPS	676

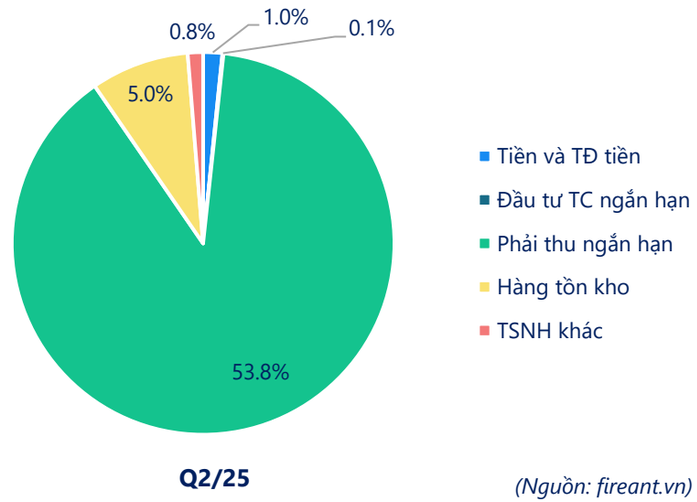
	YTD	1T	3T	6T
SSH	33.5%	-1.3%	-3.8%	33.1%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



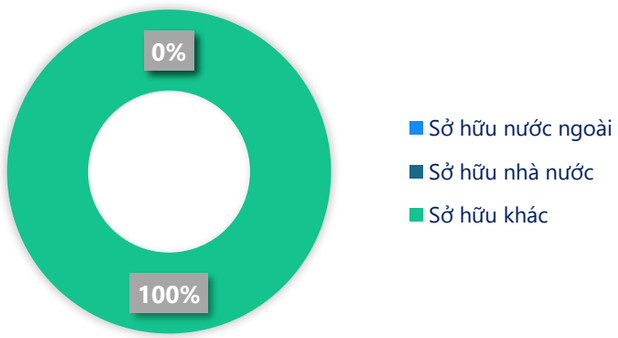
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



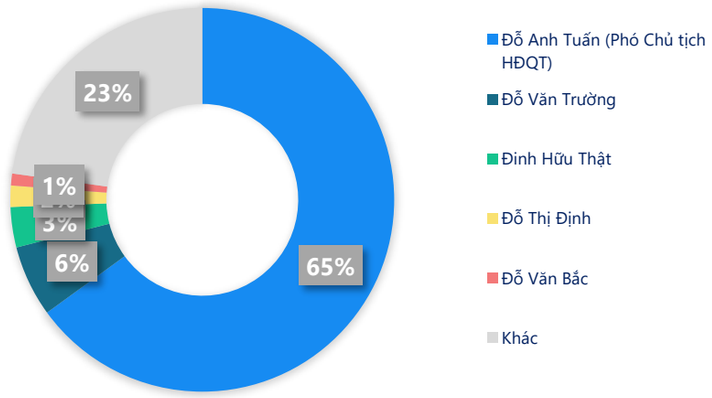
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



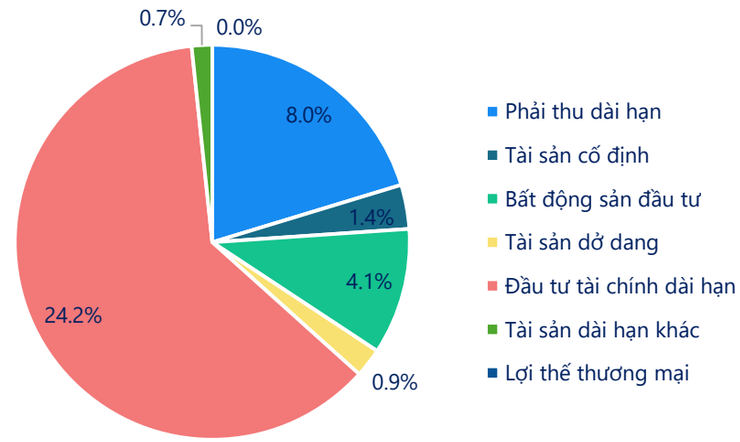
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

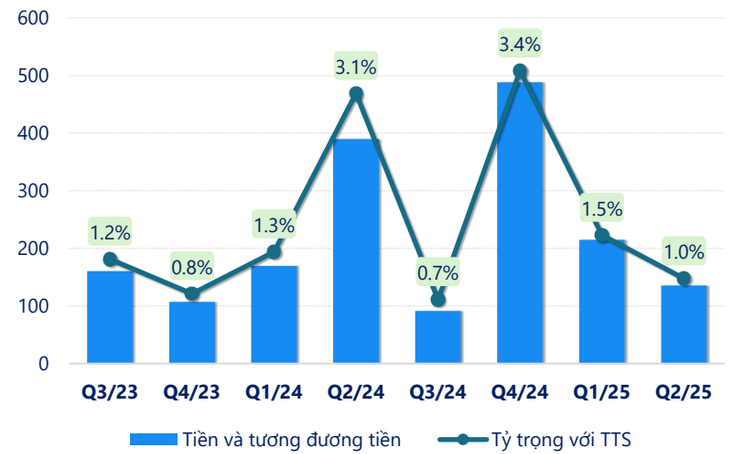


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

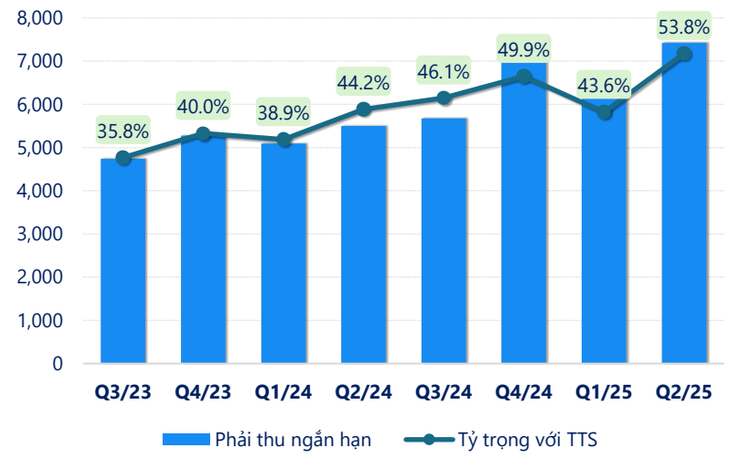
CTCP Phát triển Sunshine Homes (UPCOM: SSH)

Tiền và tương đương tiền



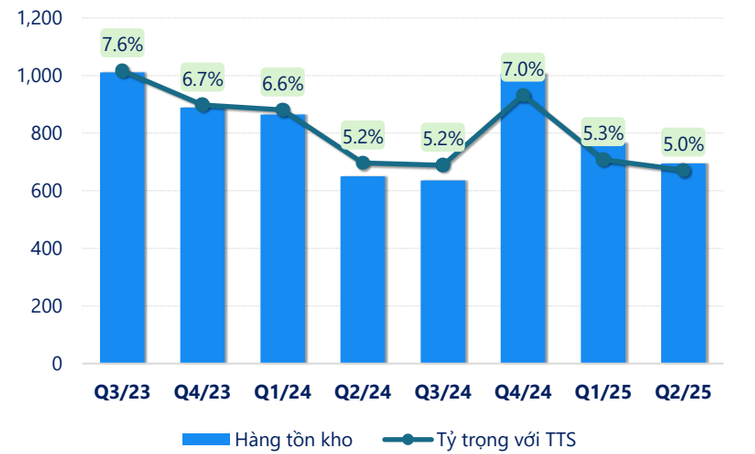
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



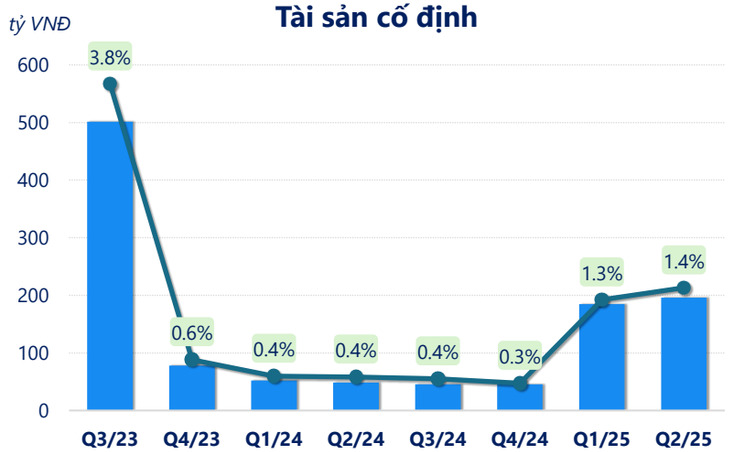
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



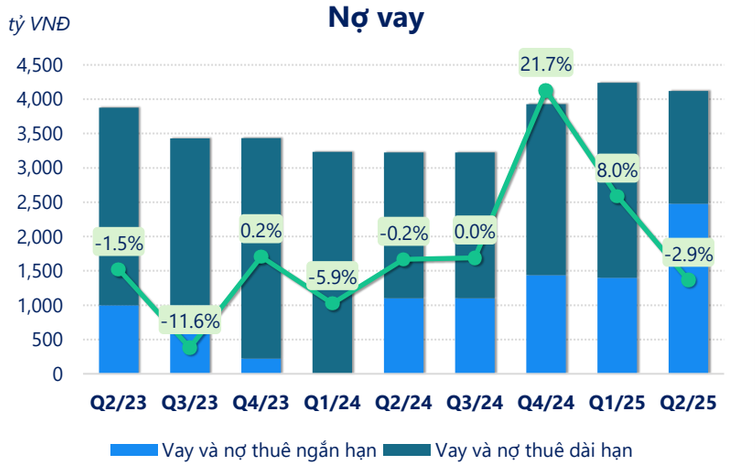
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



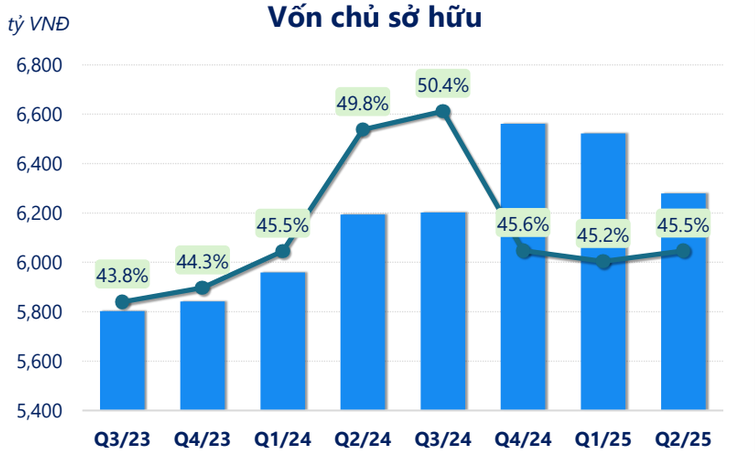
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

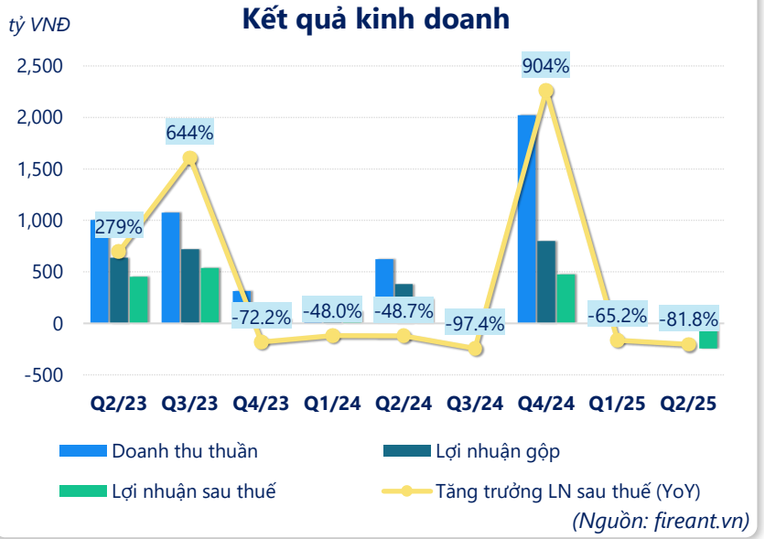


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

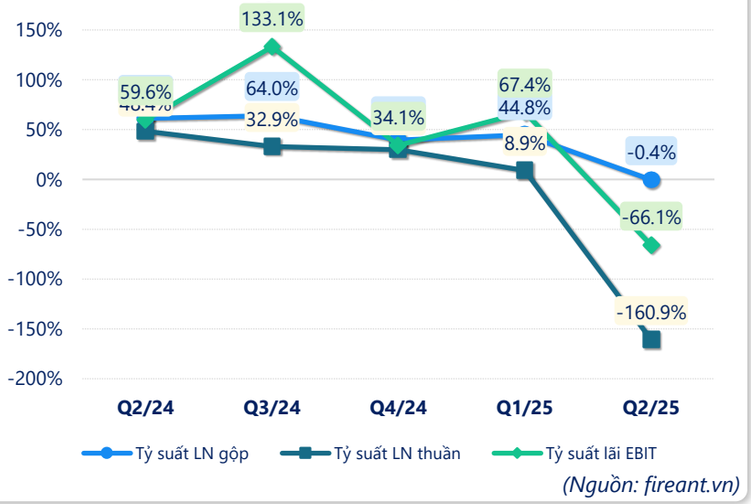
CTCP Phát triển Sunshine Homes (UPCOM: SSH)

Kết quả kinh doanh



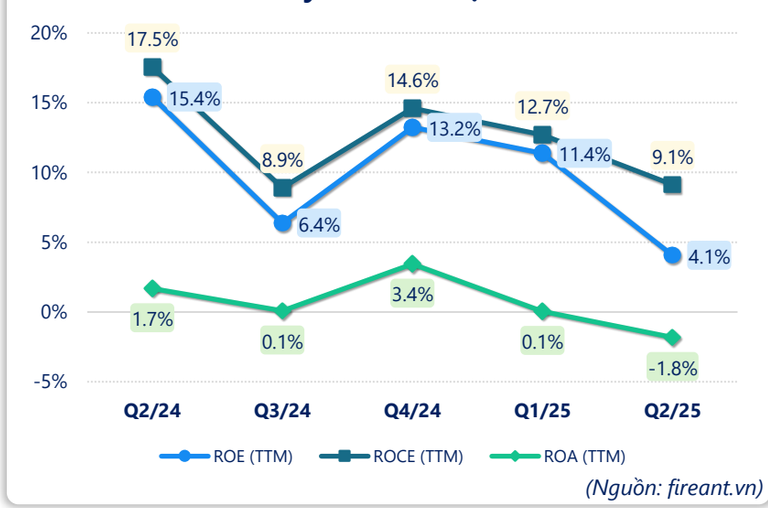
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



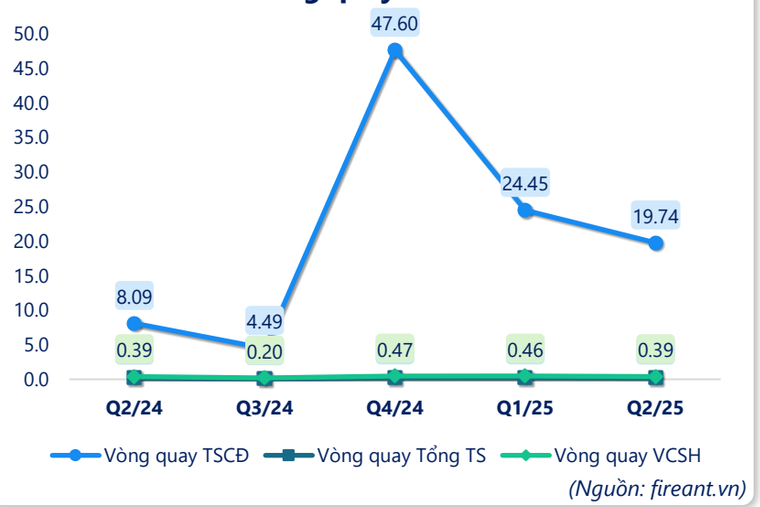
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



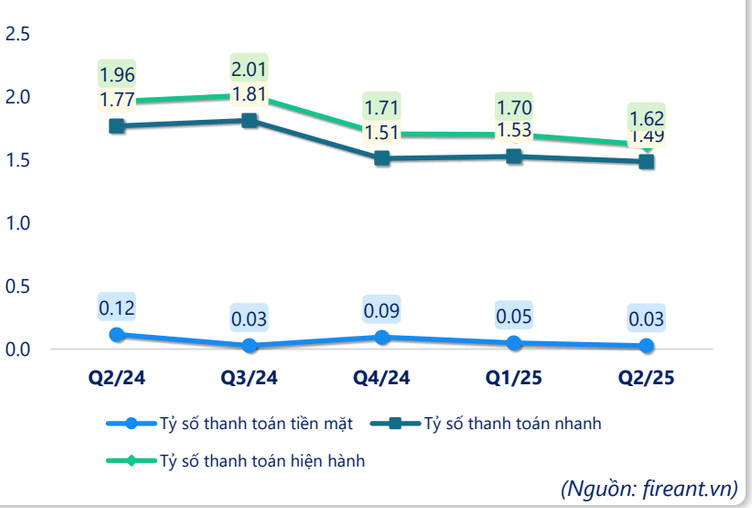
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



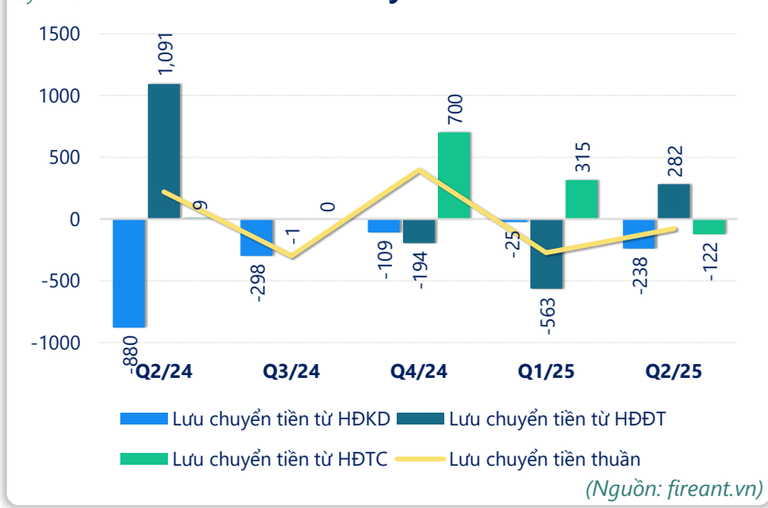
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Phát triển Sunshine Homes (UPCOM: SSH)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**13,789**	**14,395**	**-4.2%**
Tài sản ngắn hạn	8,372	8,634	-3.0%
Tiền và tương đương tiền	135	488	-72.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.56	7.38	2.5%
Phải thu ngắn hạn	7,426	7,178	3.5%
Hàng tồn kho	695	859	-19.1%
Tài sản ngắn hạn khác	108	101	6.6%
Tài sản dài hạn	**5,418**	**5,761**	**-6.0%**
Phải thu dài hạn	1,100	2,274	-51.6%
Tài sản cố định	196	85.8	128%
Bất động sản đầu tư	562	713	-21.2%
Tài sản dở dang	128	285	-55.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	3,342	2,403	39.1%
Tài sản dài hạn khác	**90.7**	**0.55**	**16499%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	7,510	7,875	-4.6%
Nợ ngắn hạn	**5,165**	**4,533**	**13.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,478	1,438	72.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	703	485	45.0%
Nợ dài hạn	2,345	3,342	-29.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,641	2,489	-34.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**6,280**	**6,520**	**-3.7%**
Vốn chủ sở hữu	**6,280**	**6,520**	**-3.7%**
Vốn điều lệ	3,750	3,750	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	624	64.9	2,020	187	138
Giá vốn hàng bán	243	23.3	1,220	103	139
Lợi nhuận gộp	381	41.5	801	83.7	-0.60
Doanh thu HĐTC	99.7	91.7	92.7	110	127
Chi phí TC	101	78.2	103	122	157
Chi phí lãi vay	76.8	75.0	89.0	112	141
LN trong công ty LKLD	-5.21	2.80	-1.83	0.08	-161
Chi phí bán hàng	43.7	7.17	139	13.2	4.69
Chi phí QLDN	29.1	29.3	49.1	42.3	26.6
LN thuần từ HĐKD	302	21.4	601	16.6	-222
Lợi nhuận khác	-6.85	-10.0	-1.02	-2.42	-9.70
LN trước thuế	295	11.3	600	14.2	-232
Lợi nhuận sau thuế	235	7.80	475	2.75	-243
LNST của CĐ cty mẹ	217	10.6	474	7.31	-239

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-880	-298	-109	-24.7	-238
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1,091	-0.54	-194	-563	282
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	8.95	0	700	315	-122
Tiền đầu kỳ	169	389	91.2	488	215
Lưu chuyển tiền thuần	**220**	**-298**	**397**	**-273**	**-79.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	389	91.2	488	215	135

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic